

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ VĨNH CHÂU
TỈNH SÓC TRĂNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 43/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 19/8/2022

*V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- ***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Dương Chiêu Hùng.
- ***Các Hội thẩm nhân dân:*** Ông Triệu Khánh Long
Bà Nguyễn Huỳnh Hoa
- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Đình Hưng - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Diệp - Kiểm sát viên.

Ngày 19/8/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm, công khai vụ án dân sự thụ lý số: 67/2022/TLST-HNGĐ, ngày 16 tháng 3 năm 2022, về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/7/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 50/2022/QĐST-HNGĐ ngày 03/8/2022; giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Anh Mã Trúc T, sinh năm 1994; (có đơn xin xét xử vắng mặt)
Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện MX, tỉnh Sóc Trăng.
- ***Bị đơn:*** Chị Phạm Thị T1, sinh năm 1996; (vắng mặt)
Địa chỉ: ấp B, xã Đ, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 07/3/2022 (BL01) cũng như quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Mã Trúc T trình bày: Anh Mã Trúc T và chị Phạm Thị T1 tự nguyện sống chung với nhau như vợ chồng và có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện MX, tỉnh Sóc Trăng và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 24/12/2015. Thời gian đầu chung sống rất hạnh phúc nhưng được một thời gian thì vợ chồng bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng trong quan điểm sống, nên từ đầu năm 2019 thì hai vợ chồng ly thân cho đến nay. Quá trình chung

sống với nhau có 01 con chung là cháu Mã Phạm Ngọc G (nữ), sinh ngày 05/3/2015 hiện cháu G đang do anh T nuôi dưỡng. Về tài sản chung để tự thỏa thuận phân chia, nợ chung không có.

Nay anh Mã Trúc T yêu cầu Tòa án giải quyết: Về hôn nhân: Anh T yêu cầu được ly hôn chị T1; Về con chung: Tùy nguyện vọng của cháu Mã Phạm Ngọc G (nữ), sinh ngày 05/3/2015 muốn sống với cha hay với mẹ thì người đó nuôi dưỡng, không ai phải thực hiện cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận phân chia với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị T1, nhưng chị T1 không có văn bản gửi đến Tòa án để trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của anh T, đồng thời chị T1 cũng không đến tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tham gia phiên tòa.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật, tuy nhiên sự chấp hành pháp luật của bị đơn chưa đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho anh T được ly hôn với chị T1. Về con chung: Giao con chung là cháu Mã Phạm Ngọc G (nữ), sinh ngày 05/3/2015 cho anh T được Tiếp tục, trực Tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu G đủ 18 tuổi và cũng theo nguyện vọng của cháu G nếu cha mẹ không còn chung sống với nhau cháu G có nguyện vọng được sống chung với cha. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của anh T không yêu cầu chị T1 phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Đương sự tự thỏa thuận phân chia không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, về nợ chung: đương sự trình bày không có, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Giấy triệu tập xét xử đến lần thứ hai cho chị T1, nhưng chị T1 vẫn vắng mặt không có lý do, anh T có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt anh T và chị T1 theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu khởi kiện của anh Mã Trúc T, nhận thấy hôn nhân của anh T và chị T1 là tự nguyện kết hôn, có tổ chức lễ cưới và có

đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện MX, tỉnh Sóc Trăng và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 24/12/2015. Quan hệ hôn nhân của anh T và chị T1 không vi phạm các điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Nhưng sau một thời gian chung sống thì phát sinh nhiều mâu thuẫn và hai người đã ly thân từ đầu năm 2019 cho đến nay, nguyên nhân chính là do bất đồng quan điểm sống, nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi vã nhau. Anh T nhận thấy cuộc sống chung không hạnh phúc, không còn tình cảm vợ chồng với chị T1 nên có nguyện vọng được ly hôn. Từ đó cho thấy tình trạng hôn nhân giữa các bên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận cho anh T được ly hôn với chị T1.

[3] Về con chung: Thời gian chung sống với nhau anh T và chị T1 có 01 người con chung tên Mã Phạm Ngọc G (nữ), sinh ngày 05/3/2015 hiện đang chung sống chung với anh T. Anh T tôn trọng ý kiến của cháu G muốn sống cha hay với mẹ thì người đó nuôi dưỡng, nếu cháu G muốn sống với anh T thì anh T không yêu cầu chị T1 phải thực hiện cấp dưỡng nuôi con, nếu cháu G muốn sống với chị T1 thì anh T cũng đồng ý và cũng không thực hiện cấp dưỡng nuôi con và cũng theo nguyện vọng của cháu G nếu cha mẹ không còn chung sống với nhau cháu G có nguyện vọng được sống với cha. Để đảm bảo cuộc sống của cháu G không bị xáo trộn, để cháu phát triển bình thường về tâm, sinh lý nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình, giao cháu Mã Phạm Ngọc G (nữ), sinh ngày 05/3/2015 cho anh T trực Tép chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi cháu G đủ 18 tuổi. Ghi nhận sự tự nguyện của anh T không yêu cầu chị T1 phải thực hiện cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung: Anh T khẳng định tự thỏa thuận phân chia với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Anh T khẳng định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Từ những phân tích nêu trên, xét yêu cầu của nguyên đơn, đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Án phí sơ thẩm: Anh T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Mã Trúc T đối với bị đơn chị Phạm Thị T1.

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Mã Trúc T được ly hôn với chị Phạm Thị T1.

Về con chung: Giao con chung là cháu Mã Phạm Ngọc G (nữ), sinh ngày 05/3/2015 cho anh T được Tép tục, trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu G đủ 18 tuổi và cũng theo nguyện vọng của cháu G nếu cha mẹ không còn chung sống với nhau, cháu G có nguyện vọng được sống chung với cha. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của anh T không yêu cầu chị T1 phải thực hiện cấp dưỡng nuôi con.

Chị Phạm Thị T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Chị T1 không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Mã Phạm Ngọc G của anh T thì anh T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom.

- Về tài sản chung: Anh T khẳng định tự thỏa thuận phân chia với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung: Anh T khẳng định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

2/ Về án phí sơ thẩm: Anh Mã Trúc T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số Tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai số 0002338 ngày 14/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, anh T đã thực hiện xong nghĩa vụ nộp án phí. Chị Phạm Thị T1 không phải chịu án phí sơ thẩm.

3/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án

dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ST (Phòng KTNV&THA);
- VKSND thị xã Vĩnh Châu;
- Đường sự;
- Chi cục THADS thị xã Vĩnh Châu;
- UBND xã T. H MX;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Dương Chiêu Hùng